

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 22 - 6 - 2023
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 49/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Yến N, sinh năm 2002. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện Bá Thước, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, thời gian tìm hiểu gần 01 năm. Hai bên đăng ký kết hôn ngày 11/01/2022 tại UBND xã Đ, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, nên dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình phân tích khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thể hòa hợp được. Vợ

chồng đã sống ly thân từ ngày 15/11/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Hiện tại chị không có thai nghén gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên xin được ly hôn anh Lê T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 18/7/2022. Hiện nay cháu H đang ở với chị. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án anh Lê T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Bùi Thị Yến N kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tháng 12/2021 tại UBND xã Đ, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng anh thuê nhà ở tại xóm Chúc, khu phố Dương Sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh sống và làm việc tại khu công nghiệp Visip. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 8/2022 thì xảy ra mâu thuẫn do thời điểm đó chị N về nhà bố mẹ đẻ sống tại huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa còn anh vẫn ở thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh làm việc. Khoảng 2 đến 3 tuần thì anh lại về thăm vợ con một lần. Đến khoảng tháng 9/2022 chị N nhắn tin cho anh nói vợ chồng không đồng quan điểm, không hòa hợp nên muốn ly hôn. Anh có về quê vợ để hai vợ chồng nói chuyện, khuyên nhủ chị N nhưng chị N không thay đổi quyết định ly hôn. Vợ chồng anh sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 10/2022. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Ngọc H, sinh ngày 18/7/2022. Hiện nay con đang ở với chị N và ông bà ngoại. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hân. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N, anh T xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết: Về Hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Yến N được ly hôn anh Lê Anh Tuấn. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc H, sinh 18/7/2022 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị N, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị N và anh T sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 18/7/2022. Nguyên vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi con. Anh T cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. HĐXX xét thấy quan điểm của hai bên là thống nhất nên được ghi nhận cho chị N trực tiếp nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Chị N và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

- *Về án phí:* Theo quy định pháp luật chị Bùi Thị Yến N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Tuy Nên, chị N thuộc diện hộ cận nghèo, được cấp sổ và chị N có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị Yến N được miễn nộp án phí.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Yến N.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Bùi Thị Yến N được ly hôn anh Lê T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung. Giao cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 18/7/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Yến N được miễn nộp án phí.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị N và anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Điền Quang, Bá Thước;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng